

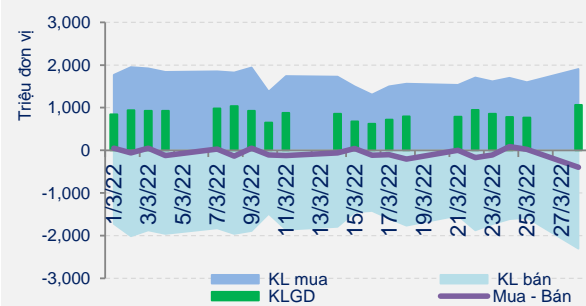
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 28/3/2022

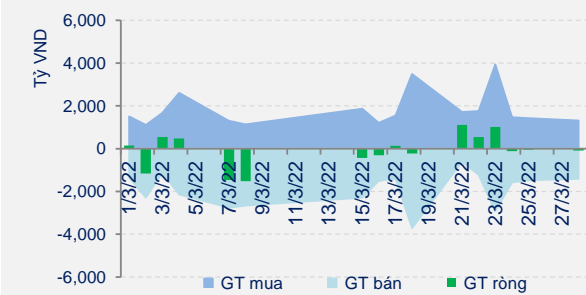
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,483.18	454.89
% Thay đổi	↓ -1.02%	↓ -1.49%
KLGD (CP)	1,065,488,443	155,039,876
GTGD (tỷ đồng)	32,879.80	4,674.14
Tổng cung (CP)	2,304,263,100	233,754,900
Tổng cầu (CP)	1,907,450,000	182,940,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	32,639,200	494,348
KL mua (CP)	27,145,100	674,740
GT mua (tỷ đồng)	1,318.16	23.29
GT bán (tỷ đồng)	1,405.33	19.96
GT ròng (tỷ đồng)	(87.17)	3.33

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.74%	21.7	3.6	1.8%
Công nghiệp	↓ -0.89%	23.8	3.2	15.1%
Dầu khí	↑ 1.05%	19.1	2.1	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.67%	-	11.1	4.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.24%	16.7	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.32%	19.2	3.6	11.4%
Ngân hàng	↓ -1.48%	12.3	2.4	11.4%
Nguyên vật liệu	↓ -0.52%	10.8	2.6	15.8%
Tài chính	↓ -1.79%	21.8	3.2	35.3%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.30%	18.1	2.8	1.5%
VN - Index	↓ -1.02%	17.3	3.2	
HNX - Index	↓ -1.49%	22.4	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Tình hình thế giới nhìn chung khá êm đềm trong cuối tuần qua nhưng ở trong nước, những tin đồn tiêu cực đã khiến cho thị trường có phiên đầu tuần khá chao đảo. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 15,32 điểm (-1,02%) xuống 1.483,18 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 142 mã tăng (19 mã tăng trần), 43 mã tham chiếu, 315 mã giảm (16 mã giảm sàn). Cổ phiếu "họ FLC" là tâm điểm trong phiên hôm nay khi bị bán sàn hàng loạt và còn dư bán sàn rất nhiều như AMD (-7%), ROS (-7%), HAI (-6,9%), FLC (-6,8%), FLF (-9,9%), KLF (-9,9%), ART (-9,6%). Đà bán mạnh tại nhóm cổ phiếu FLC cũng lan sang cả các cổ phiếu bất động sản, xây dựng khác khiến nhóm này giảm mạnh, thậm chí giảm sàn như DIG (-7%), LDG (-6,9%), HQC (-6,9%), NBB (-6,9%), HAR (-6,9%), VPH (-6,8%), QCG (-6,8%), VRC (-6,8%), TTB (-6,7%)... Khi mà thị trường "đổ lửa" thì nhóm cổ phiếu chứng khoán thường cũng sẽ đi theo xu hướng chung với SSI (-2,8%), VND (-2,9%), VCI (-1,9%), SHS (-3,3%), VIX (-5,5%), HCM (-3,4%), TVC (-2,6%)...; chỉ có FTS (+6,5%) là giữ được sắc xanh. Ấn tượng nhất trong phiên hôm nay có lẽ là nhóm thủy sản khi thu hút mạnh dòng tiền và tăng giá ấn tượng VHC (+2,7%), CMX (+6,9%), ANV (+4,2%), FMC (+6,9%), MPC (+6,8%), ACL (+6,8%)... Trong nhóm VN30 (-0,95%) có đến 24/30 mã là chìm trong sắc đỏ như STB (-5,3%), BID (-4,3%), POW (-3,3%), SSI (-2,8%), GVR (-2,4%), VNM (-2,4%), VRE (-2,1%), HDB (-2%)... đóng góp chủ yếu vào mức giảm của thị trường trong phiên hôm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chịu ảnh hưởng bởi tin tức tiêu cực trong phiên hôm nay đã dẫn đến áp lực bán trên diện rộng. Rất may là lực cầu vùng giá thấp vẫn là đủ tốt để thu hẹp mức giảm này. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay gia tăng cũng cho thấy điều đó. Xét trên góc độ kỹ thuật, tuy giảm khá mạnh trong phiên đầu tuần, nhưng chỉ số VN-Index vẫn kết phiên trong vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm (MA20-50) như một sự chờ đợi các tin tức tiếp theo trong tối và đêm nay trước khi thoát khỏi vùng này. Trong kịch bản tích cực, trong phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể ngay lập tức hồi phục trở lại để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhưng trong kịch bản tiêu cực, VN-Index có thể đánh mất vùng hỗ trợ kể trên để lui về các vùng giá thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên, trong bất kỳ kịch bản nào, nhà đầu tư nếu đã tham gia mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ. Nếu thị trường rơi mạnh về vùng hỗ trợ kể trên sẽ là cơ hội để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.473,8 điểm. Về cuối phiên, cầu bắt đáy gia tăng giúp thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 15,32 điểm (-1,02%) xuống 1.483,18 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID giảm 1.850 đồng, VHM giảm 1.000 đồng, VNM giảm 1.800 đồng. Ở chiều ngược lại, MWG tăng 5.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 450,97 điểm. Nhưng cũng có thời điểm trong phiên sáng, chỉ số hồi phục nhẹ lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 462,19 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 6,86 điểm (-1,49%) xuống 454,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 2.200 đồng, CEO giảm 5.000 đồng, HUT giảm 2.300 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 1.100 đồng.

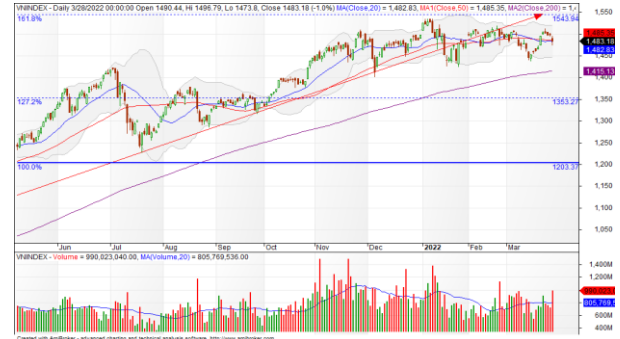
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 86,91 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,2 triệu cổ phiếu. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 104,6 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VCI với 50,6 tỷ đồng tương ứng với 902 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FTS là mã được mua ròng nhiều nhất với 41,6 tỷ đồng tương ứng với 743,6 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 3,44 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 180,4 nghìn cổ phiếu. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 11,3 tỷ đồng tương ứng với 154,3 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là TVD với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 70,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,4 tỷ đồng tương ứng với 204,6 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm khá mạnh trong phiên đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực bán ra tương đối mạnh nhưng lực cầu vùng giá thấp vẫn là khá tốt đã giúp thu hẹp mức giảm.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,02%) thì VN-Index đã lui về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50). Điều này khiến cho xu hướng tăng bị suy yếu nhưng vẫn chưa bước vào xu hướng giảm trong ngắn hạn và cơ hội để hồi phục trở lại vẫn còn.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục nhận được lực cầu trong vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm (MA20-50) và hồi phục trở lại từ vùng này.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về những vùng giá thấp hơn nữa để tìm kiếm lực cầu bắt đáy quay trở lại.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**TIN TRONG NƯỚC**

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,5 - 69,3 triệu đồng/lượng, giảm 400.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 5	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 28/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.146 VND/USD, giảm 5 đồng so với cuối tuần qua.

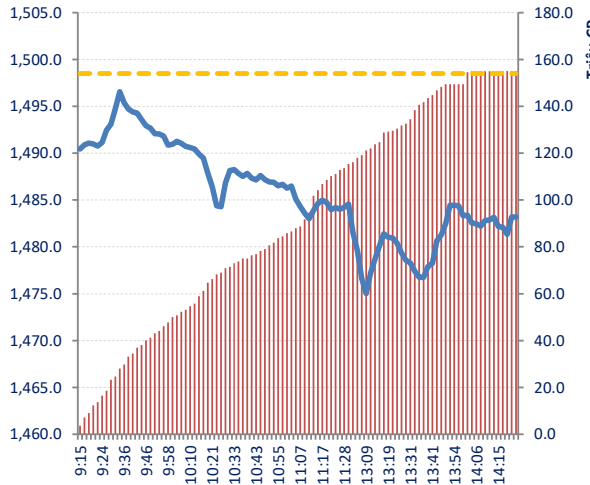
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 29,1 USD/ounce tương ứng với 1,49% xuống 1.925,25 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,338 điểm tương ứng 0,39% lên 99,215 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0979 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3138 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 124,65 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 4,23 USD/thùng tương ứng với 3,77% xuống 109,58 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/3, Dow Jones tăng 153,3 điểm tương ứng với 0,44% lên 34.861,24 điểm. Nasdaq giảm 22,54 điểm tương đương 0,16% xuống 14.169,3 điểm. Nasdaq Composite tăng 22,9 điểm tương đương 0,51% lên 4.543,06 điểm.

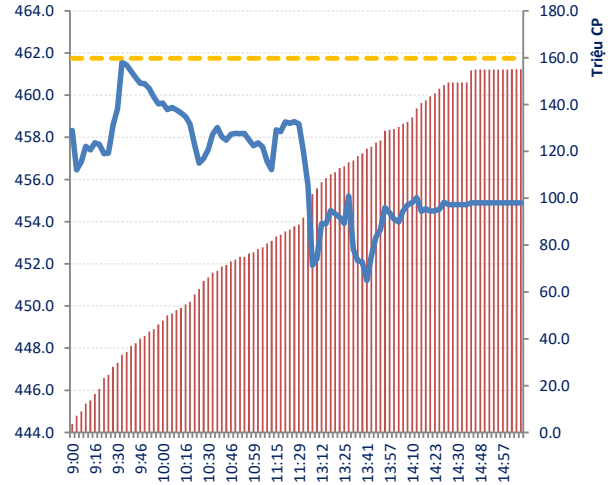


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

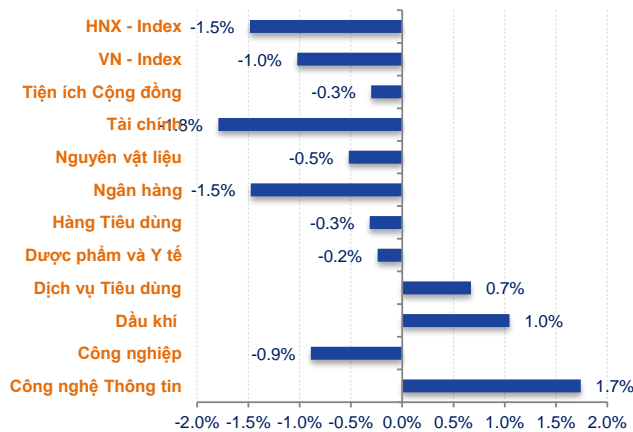
KLGD và VN-Index trong phiên



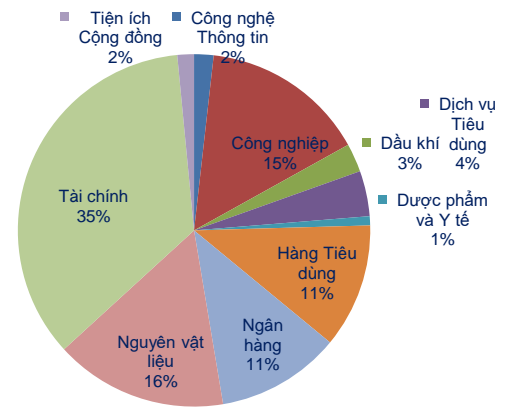
KLGD và HNX-Index trong phiên



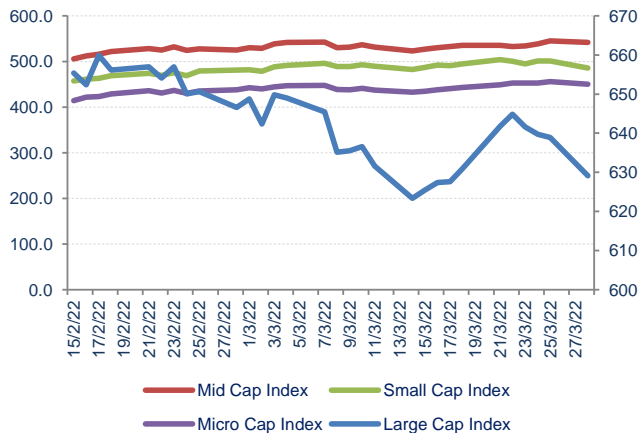
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



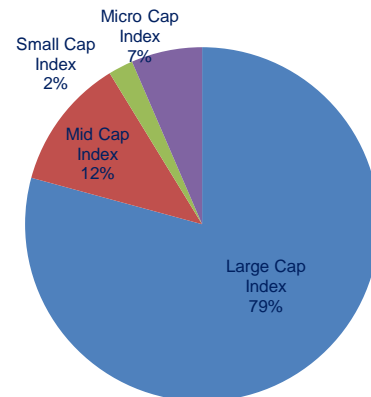
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	1,063,600	VNM	1,409,900	1	IDC	154,300	SHS	204,550
2	NKG	754,700	VCI	902,100	2	TVD	70,400	DNP	25,100
3	FTS	743,600	CTG	699,900	3	TA9	63,200	VCS	21,500
4	FUEVFNVD	738,200	VND	663,700	4	TMC	55,200	LUT	14,900
5	HDB	706,900	DLG	545,900	5	HLC	45,000	ONE	13,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	13.15	13.30	↑ 1.14%	41,270,500	PVS	34.50	36.10	↑ 4.64%	14,178,042
STB	33.65	31.85	↓ -5.35%	38,323,100	CEO	71.00	66.00	↓ -7.04%	14,004,870
HNG	10.15	10.80	↑ 6.40%	37,476,700	TNG	35.90	38.20	↑ 6.41%	7,184,480
HQC	10.10	9.40	↓ -6.93%	35,917,400	TVC	22.80	22.20	↓ -2.63%	6,574,696
OGC	17.60	18.40	↑ 4.55%	30,708,020	KLF	7.10	6.40	↓ -9.86%	5,733,404

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

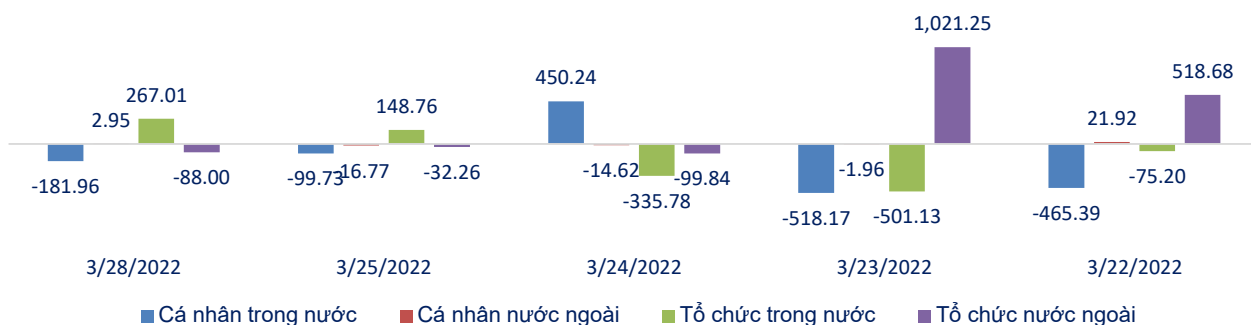
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HUB	42.15	45.10	2.95	↑ 7.00%	CLM	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
NVT	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%	KHS	28.10	30.90	2.80	↑ 9.96%
COM	63.00	67.40	4.40	↑ 6.98%	DNC	69.30	76.20	6.90	↑ 9.96%
DTT	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%	NAP	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%
TSC	15.10	16.15	1.05	↑ 6.95%	DNM	63.60	69.90	6.30	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ROS	9.43	8.77	-0.66	↓ -7.00%	TPP	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
AMD	7.15	6.65	-0.50	↓ -6.99%	VTL	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
PGI	34.35	31.95	-2.40	↓ -6.99%	SGC	78.30	70.50	-7.80	↓ -9.96%
DIG	102.00	94.90	-7.10	↓ -6.96%	DNP	33.20	29.90	-3.30	↓ -9.94%
TGG	25.90	24.10	-1.80	↓ -6.95%	THS	37.30	33.60	-3.70	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	80.16	30.3%	5,042	14.9	4.4
MWG	69.86	27.3%	6,895	20.1	4.9
VCI	51.50	18.0%	2,083	27.7	3.0
DHC	41.53	31.1%	6,877	10.8	3.1
DPG	33.39	22.5%	5,754	14.9	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-125.28	21.5%	5,144	9.6	2.0
ACB	-90.31	23.9%	3,554	9.2	2.0
MBB	-77.55	22.6%	3,361	9.5	1.9
NLG	-57.40	10.6%	3,155	19.3	1.7
DXG	-53.43	10.3%	1,940	24.0	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	6.39	15.3%	2,210	46.2	6.6
HPG	5.46	46.0%	7,708	6.0	2.3
FUEVFNVD	3.04	N/A	N/A	N/A	N/A
ADS	2.77	16.9%	2,834	13.0	2.4
DXG	2.74	10.3%	1,940	24.0	2.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-9.91	10.8%	1,855	18.1	1.9
DLG	-2.91	0.7%	53	154.8	1.0
MBB	-2.86	22.6%	3,361	9.5	1.9
CII	-2.73	-4.1%	(1,390)	-	1.0
HVN	-2.22	-832.8%	(7,832)	-	38.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	125.28	21.5%	5,144	9.6	2.0
ACB	90.31	23.9%	3,554	9.2	2.0
MBB	77.55	22.6%	3,361	9.5	1.9
NLG	31.47	10.6%	3,155	19.3	1.7
DXG	30.23	10.3%	1,940	24.0	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-69.86	27.3%	6,895	20.1	4.9
DPG	-31.86	22.5%	5,754	14.9	3.0
DIG	-29.41	15.3%	2,210	46.2	6.6
VCG	-27.96	5.5%	965	46.4	2.6
FPT	-20.88	21.7%	4,787	20.0	4.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	41.65	32.6%	5,774	9.3	2.8
NKG	38.32	50.0%	10,418	4.8	1.9
KDH	35.84	13.1%	1,931	27.6	3.4
VRE	34.82	4.4%	578	56.5	2.4
KBC	31.22	5.8%	1,583	34.0	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-106.07	30.3%	5,042	14.9	4.4
VCI	-50.43	18.0%	2,083	27.7	3.0
DHC	-39.73	31.1%	6,877	10.8	3.1
HPG	-27.53	46.0%	7,708	6.0	2.3
VIC	-25.63	-1.9%	(717)	-	1.9



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	41,270,500	2.8%	219	60.1	2.6
STB	38,323,100	3250.0%	1,855	18.1	1.9
HNG	37,476,700	-15.3%	(1,010)	-	1.4
HQC	35,917,400	0.1%	9	1,158.5	1.1
OGC	30,708,020	11.0%	482	36.5	3.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,178,042	4.7%	1,260	27.4	1.3
CEO	14,004,870	2.7%	362	196.1	5.2
TNG	7,184,480	17.8%	2,725	13.2	2.1
TVC	6,574,696	26.3%	5,456	4.2	1.1
KLF	5,733,404	0.4%	40	175.7	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HUB	↑ 7.0%	11.1%	2,742	15.4	1.7
NVT	↑ 7.0%	-11.3%	(587)	-	4.5
COM	↑ 7.0%	8.8%	2,845	22.1	2.0
DTT	↑ 7.0%	3.2%	482	32.8	1.1
TSC	↑ 7.0%	6.0%	778	21.6	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLM	↑ 10.0%	14.6%	2,574	11.7	1.7
KHS	↑ 10.0%	25.7%	4,723	5.9	1.4
DNC	↑ 10.0%	34.6%	5,123	13.5	5.0
NAP	↑ 9.9%	6.8%	736	16.5	1.1
DNM	↑ 9.9%	22.6%	6,876	9.2	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	1,063,600	4.4%	578	56.5	2.4
NKG	754,700	50.0%	10,418	4.8	1.9
FTS	743,600	32.6%	5,774	9.3	2.8
UEVFN	738,200	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	706,900	21.8%	3,032	9.2	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	154,300	9.6%	1,508	50.0	4.8
TVD	70,400	19.0%	2,261	8.4	1.5
TA9	63,200	12.9%	1,579	9.7	1.2
TMC	55,200	7.0%	1,098	15.0	1.0
HLC	45,000	21.2%	2,740	7.4	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	390,433	21.3%	4,629	17.8	3.5
VHM	330,496	35.3%	9,036	8.4	2.5
VIC	308,929	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	219,793	12.7%	2,090	20.8	2.5
GAS	211,874	17.1%	4,531	24.4	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,850	21.8%	2,805	61.0	9.5
KSF	32,820	9.0%	1,373	79.7	5.5
IDC	22,620	9.6%	1,508	50.0	4.8
NVB	19,767	0.0%	3	11,023.3	3.3
CEO	18,271	2.7%	362	196.1	5.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	4.41	7.2%	1,483	26.6	1.6
CII	4.40	-4.1%	(1,390)	-	1.0
KHP	4.27	7.2%	836	21.1	1.5
CIG	4.25	10.1%	522	28.0	3.0
FLC	4.22	0.7%	119	122.7	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.64	7.0%	343	42.9	2.9
CEO	2.43	2.7%	362	196.1	5.2
APS	2.16	62.2%	9,839	3.3	2.7
IDJ	2.12	29.2%	2,494	13.2	2.8
L14	2.07	39.0%	8,000	46.1	13.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn